

INSPIRATION FOR TRAVEL IN POETRY AND PROSE BY TAN DA FROM THE ASPECT OF ART SPACE

Le Viet Doan^{1*} and Dao Duy Tung²
*School of Social Sciences and Humanities,
Can Tho University, Can Tho city, Vietnam*

*Corresponding author: lvdoan@ctu.edu.vn

Received March 10, 2024.

Revised April 8, 2024.

Accepted May 2, 2024.

CẢM HỨNG XÊ DỊCH TRONG THƠ VĂN CỦA TẢN ĐÀ NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT

Lê Việt Đoàn* và Đào Duy Tùng
*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: lvdoan@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/3/2024.

Ngày sửa bài: 8/4/2024.

Ngày nhận đăng: 2/5/2024.

Abstract. Tan Da is an artist with the blood and soul of movementism. He was not a traditional Confucian (that is, living according to the hard-to-break-through standards of Confucian consciousness) but an amateur, rich, and amorous Confucian. With Tan Da, love and talent blend, creating an art space, and a colorful and attractive art world. This article will explore one of the interesting aspects - Moving inspiration in Tan Da's poetry from the perspective of art space. It is a space of fantasy, a space of strange lands.

Keywords: Travel, personal life, art space, destiny.

Tóm tắt. Tản Đà là một nghệ sĩ mang trong mình dòng máu, hồn cốt của chủ nghĩa xê dịch. Ông không phải là một nhà Nho theo kiểu truyền thống (tức là sống theo những quy chuẩn khó lòng bứt phá của ý thức Nho giáo) mà là một nhà Nho tài tử, phong lưu, đa tình. Với Tản Đà, cái tình và cái tài hòa quyện vào nhau, tạo nên một không gian nghệ thuật, thế giới nghệ thuật đầy màu sắc, cuốn hút. Bài viết này sẽ đi vào tìm hiểu một trong những khía cạnh thú vị - *Cảm hứng xê dịch trong thơ văn Tản Đà nhìn từ phương diện không gian nghệ thuật*. Đó là không gian mộng tưởng, không gian những miền đất lạ.

Từ khóa: xê dịch, đời tư, không gian nghệ thuật, định mệnh.

1. Mở đầu

Có thể thấy cảm hứng xê dịch trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX (1900 – 1945) xuất hiện sớm và đậm nét trước hết là trong thơ ca, mà Tản Đà là đại diện tiêu biểu nhất. Nghiên cứu về thơ văn Tản Đà nói chung, đã có nhiều tác giả, nhà nghiên cứu với nhiều công trình, bài viết giá trị nhưng chú ý đến cảm hứng xê dịch (hoặc có liên quan đến cảm hứng xê dịch) trong thơ Tản Đà, trước hết cần nói đến là Dương Quảng Hàm. Trong *Việt Nam văn học sử yếu* (2007), Dương Quảng Hàm nhận thấy Tản Đà là người: “có tư tưởng phóng khoáng tự do, biết trọng sự thanh cao trong cảnh bản khách, biết tự hào về nỗi nghèo khổ của mình. Chính cái lòng tự hào ấy khiến ông có những mộng tưởng ngông cuồng (...). Lời thơ của ông lại có giọng điệu nhẹ nhàng du dương, cách dùng chữ (thường dùng tiếng Nôm) và đặt câu lại uyển chuyển, nên thơ khiến cho người đọc dễ cảm động say mê, ông thực sự là một thi sĩ có tính cách Việt Nam thuần túy vậy” [1; 14].

Bài viết *Hình ảnh con đường trong thơ Tản Đà* của tác giả Nguyễn Phương Hà (2016) cũng đề cập đến phương diện nghệ thuật của cảm hứng xê dịch trong thơ Tản Đà [2]. Nội dung bài viết đã làm rõ các khía cạnh có liên quan đến hình ảnh nghệ thuật – con đường trong thơ ca thuộc đề tài xê dịch của thi sĩ ở các yếu tố: nguồn gốc, biểu hiện. Về nguồn gốc, tác giả cho rằng: hình ảnh

con đường trong thơ ca cổ điển nói chung xuất phát từ quyển *Đạo đức kinh* của Lão Tử, con đường là công cụ thuận tiện để xây dựng nên những liên tưởng khác nhau về không gian và thời gian” [2]. Về mặt biểu hiện của hình ảnh con đường trong thơ ca Tản Đà, tác giả tập trung sự chú ý vào hai biểu hiện quan trọng là: con đường cụ thể và con đường biểu tượng. Theo đó, con đường cụ thể thể hiện qua các khía cạnh: 1. Con đường khơi gợi cảm xúc trữ tình, 2. Con đường xê dịch của thi nhân; con đường mang tính biểu tượng bao gồm: 1. Con đường đời quanh co, 2. Con đường hội ngộ của những bậc tài hoa, 3. Con đường cô đơn, sầu muộn. Nguyễn Phương Hà kết luận là: “Con đường là hình ảnh không gian thường thấy trong thơ Tản Đà. Nó biểu hiện dưới nhiều dạng: con đường cụ thể, con đường biểu tượng... Đây là tín hiệu nghệ thuật đặc sắc, góp phần đáng kể trong việc thể hiện thế giới nghệ thuật thơ Tản Đà. Trong thơ trữ tình, mỗi chi tiết, hình ảnh đều mang một giá trị biểu cảm nhất định. Hình ảnh con đường chỉ là chi tiết nhỏ trong không gian nghệ thuật rộng lớn của thơ Tản Đà nhưng đã mở ra cho người đọc cảm nhận sâu xa hơn về vũ trụ thơ ông. Trong vũ trụ ấy, cái tôi Tản Đà hiện hữu chủ yếu với nỗi sầu, nỗi cô đơn không thể giải thoát” [2].

Cảm hứng xê dịch thể hiện hầu hết trong thơ văn Tản Đà: *Khối tình con I (thơ, 1916)*; *Giác mộng con (truyện, 1917)*; *Khối tình con II (thơ, 1918)*; *Khối tình bản chính, Khối tình bản phụ (văn, 1918)*; *Còn chơi (thơ, 1921)*; *Truyện thế gian I và II (1923)*; *Trần ai tri kỉ (truyện)*; *Nhàn tưởng (bút ký triết học)*; *Giác mộng lớn (tự truyện, 1929)*; *Khối tình con III*; *Thế non nước (truyện)*; *Giác mộng con II (truyện)*...

Tản Đà có xuất thân là một nhà Nho, được giáo dục theo triết lý giáo dục khoa cử của Nho giáo. Tuy nhiên, thời cuộc đã đưa ông đến với văn chương nghệ thuật như một định mệnh. Như nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu, ông là con người của hai thế kỉ, là cầu nối giữa văn học truyền thống và văn học hiện đại Việt Nam.

Cảm hứng xê dịch trong văn học, đặc biệt là trong sáng tác của Tản Đà là một vấn đề nghiên cứu thú vị, từng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, đào sâu ở nhiều mức độ, chiều kích khác nhau. Điều này chứng tỏ sức hấp dẫn mạnh mẽ của vấn đề. Trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng đặt ra một nhiệm vụ nghiên cứu lớn lao, hay đề xuất ra một hướng nghiên cứu mới, mà chỉ mới dừng lại ở phạm vi phác thảo bước đầu cảm hứng xê dịch trong thơ văn của Tản Đà qua khía cạnh không gian nghệ thuật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Không gian mộng tưởng – dạng thức không gian nghệ thuật đặc trưng trong cảm hứng xê dịch của thơ văn Tản Đà

Tản Đà quan niệm con người hiện hữu trong hai thế giới tách biệt. Thế giới thứ nhất là không gian trong đó, con người bằng những giác quan của mình có thể nhận thức và nắm bắt được quy luật của nó. Nói khác đi, đó là thế giới khách quan, thế giới nhân sinh đang hiện hữu, mà theo cách diễn đạt của Tản Đà là “*cánh ngõ ở đời*”. Còn thế giới thứ hai, mới thực sự quan trọng và hấp dẫn, đó là thế giới “*thân thể chưa trải biết mà ý thức đã đi trước*”, nói khác đi đó là thế giới của cõi mộng.

Có lẽ, trong một chừng mực nào đó, thế giới mộng tưởng trong thơ văn Tản Đà được gọi ý từ quan niệm “*tê vật luận*” từ Trang Tử. Nhưng Tản Đà đã cụ thể nó ra, phân chất “*giác mộng*” của mình thành những chiều kích rõ rệt trong mối quan hệ với thực tại: “*mộng là cái mộng con, đời là cái mộng lớn*”.

Mộng trong quan niệm của Tản Đà có một số đặc điểm đáng chú ý như sau. Mộng là thuộc tính của tinh thần và do vậy nó không có giới hạn, thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của thế giới thực tại. Tuy vậy, thế giới cõi mộng cũng không hoàn toàn là thế giới hư vô, mà trái lại, cũng có tính hiện thực. Nhân vật Chu Kiều Oanh có lần nói: “*Con người ta ở trong vũ trụ, hình thể có giới hạn mà tinh thần không có giới hạn. Cho nên lấy hình thể mà nói thời ngoài các sự vật hiện tại*

trước mắt, đều là không có; lấy tinh thần mà nói thì phạm cảm giác còn đi tới, tức không phải giả mà là chân”.

Thế giới mộng tưởng trong thơ văn Tản Đà được nhìn ngắm chủ yếu qua lăng kính ái ân, qua tình yêu nam nữ. Do vậy, ta có thể bắt gặp trong thơ văn ông sự xuất hiện rợn ngợp của những chuyện tình. Có những chuyện tình thoáng qua, vu vơ, cũng có những chuyện tình định mệnh, khắc khoải vang vọng như một chứng bệnh của khách đa tình trong kiếp sống nhân sinh mà Tản Đà chính là đại diện ưu tú nhất của nó.

Đó là những chuyện tình bông lơn trong những bài thơ tình nghịch như: *Nhớ chị hàng cau, Đùa sư cô, Bóp vú đau tay...*

Chẳng hạn:

*“Ngồi buồn đêm nhớ chị hàng cau
Khoảng mấy năm giờ ở những đâu?
Khăn vải chùi hum lâu vắng mặt
Chiếu buồm che giữ có tươi màu?
Ai đờng độ ấy lăm rằm mắt
Tớ đã ngày nay lún phún râu
Bèo nước hợp tan người mỗi nẻo
Cậy ai mà nhắn một đôi câu?”
(Nhớ chị hàng cau)*

Hay:

*“Ai ai đứng khuất bóng giăng mờ
Cô sử, cô sư khéo thần thờ
Cửa Phật những mong tròn quả phúc
Cõi trần sao nỡ dứt duyên tơ?
Vãi giã tiểu bé đâu đâu cả?
Chùa vắng sân không thế thế ư?
Tớ dẫu chưa tu, đầu dờ trọc
Phen này óm trọc cũng ra sư”.
(Đùa sư cô)*

Đó cũng là cái tình không ràng buộc, mang tính chất vô tư giữa khách và nàng Vân Anh trong *Thề non nước*. Chuyện tình với nàng Chu Kiều Oanh trong *Giấc mộng con* cũng là một mối tình đầy trong sáng, luyến ái, không bị kiềm tỏa bởi quan niệm hôn nhân truyền thống.

Trong *Giấc mộng con II*, nhà nghệ sĩ Tản Đà đã tưởng tượng và xây dựng một thế giới *mỹ nhân hóa*. Đó là thế giới tiên cảnh, nơi ông được đắm say trong bầu không khí ái tình với Chu Kiều Oanh mà còn với cả những mỹ nữ nổi tiếng của Trung Quốc như: Tây Thi, Dương Quý Phi, Chiêu Quân... Cái công đã chấp cánh cho cái mộng, là nền tảng để nâng cái mộng lên một tầm cao mới về độ táo bạo cũng như sáng tạo của nó. Trong thế giới lí tưởng ấy, con người hoàn toàn thoát ra khỏi những điều phàm tục, để hướng đến những lạc thú của trường tình. Tản Đà uống rượu, ngâm thơ theo mệnh lệnh của mỹ nhân. Ông say sưa thưởng lãm tiếng đàn của Chiêu Quân, nghe Tây Thi hát, nhìn Dương Quý Phi vừa say vừa múa... Ông là nhân vật duy nhất trong hàng ngũ hàng trăm mỹ nhân chốn tiên bồng: *“Dư tiệc có hơn trăm người mà chỉ có một mình mình không phải là mỹ nhân”*. Đây chính là biểu hiện chân thật nhất của cái tôi đa tình lãng tử của thi sĩ Tản Đà. Trước ông, có lẽ chưa văn thi sĩ nào có thể tưởng tượng và mô tả một cách “ngông” như thế. Tản Đà lên cõi tiên không phải thỏa mãn giấc mộng thoát khỏi quy luật sinh tử – niềm khao khát mang tính trần tục của những con người trần tục – mà là tìm đến mỹ nhân, để được sống

hoàn toàn trong thế giới chữ Tình của mình. Đó chính là nét lãng mạn siêu thực vô cùng độc đáo và cá tính ở Tản Đà.

Cảm thức tiên cũng là một dấu ấn nổi bật trong thơ Tản Đà. Chẳng hạn, bài thơ *Tổng biệt*:

*“Lá đào rơi rắc lối thiên thai
Suối tiễn, oanh đưa những ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai
Ước cũ, duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn, rêu nhạt.
Nước chảy, hoa trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ nay xa cách mãi
Cửa động
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi”*

Bài thơ *Tổng biệt trên* vốn là từ khúc theo điệu *Hoa phong lạc*, rút từ vở chèo *Thiên Thai*, có thể coi là một bài thơ tuyệt bút. Thi phẩm tái hiện lại tích Lưu Thần và Nguyễn Triệu (đời Hán), gặp được tiên nữ, rồi kết làm vợ chồng. Họ sống hạnh phúc được nửa năm thì cả hai cùng nhớ quê muốn về thăm. Nhưng tiếc thay giấc mộng trần võ lữ còn động vào thiên thai cũng đã khép chặt lại sau buổi chia li.

Bình bài này, thi sĩ Bùi Giáng có những nhận xét thật thú vị:

“Lá rơi - Hình ảnh của lia tan, của ly biệt... Người đi. Khách phàm trần đã lên đây, đem lên đây tình yêu của hạ giới, gây bàng hoàng cho lòng xanh tiên nữ, để giờ đây chia biệt, đem tình về hạ giới, cho lòng xanh tiên nữ lại băng khuâng... Lời tiễn đưa vang nhẹ giữ Đào Nguyên trắng sáng rộng vô ngần. Như hồn xuân đêm yếu điệu. Như ngậm ngùi tình vương vấn thiên thai. Như gió lùa thổi vào tâm hiu hắt...”

Sự tỉnh rồi... còn đâu nữa mộng lòng xuân. Nụ hồng giữa vườn xuân không hé phôi lần nữa. Đá mòn. Rêu nhạt. Nước chảy - Huê trôi. Cái hạc bay lên vút tận trời... đem đi mộng cũ của lòng ta... Tình của người lặng đi giữa bốn bề câm nín. Lạnh mang mang vây ám mãi nghìn năm. Đường lối cũ, nơi đầu non cửa động. Trăng chơi vui còn sáng mãi, hững hờ. Mộng Thiên Thai vỡ vàng, đã mòn mãi...

Bài thơ quả là có mang ý nghĩa tượng trưng đó. *Tổng biệt? Vĩnh biệt Thiên Thai là vĩnh biệt hồn thơ của tuổi mộng - Tuổi mộng không ở mãi với hồn thơ, để thắm mãi giữa đời...* [3; 109].

Có thể nói thế giới cõi mộng trong thơ văn Tản Đà là một phương thức nhằm giải phóng cái tôi đang chịu nhiều vết thương, mặc cảm trên con đường tình ái. Bởi lẽ, như một nhà triết học đã nói: chỉ có ái tình mới có thể chữa lành những vết thương mà nó gây ra mà thôi. Do vậy, nếu trong thực tại, tình yêu của ông không viên mãn, nó sẽ gây ra những mặc cảm, ứ đọng thúc sự sáng tạo và thỏa mãn nó trong thế giới tâm tưởng, thế giới mà ông làm chủ và không cho phép nó tái hiện cảnh tượng đau thương nữa.

Theo Nguyễn Khắc Xương, nhân vật Chu Kiều Oanh chính là sự phóng chiếu, nghệ thuật hóa của mối tình có thật của thi sĩ Tản Đà với nàng con gái tên Oanh ngoài đời. Mối tình này có kết cục ngang trái nên để lại những vết xước lớn trong tâm hồn ông. Do vậy, bằng mộng寐, thông qua thế giới của chữ mộng, Tản Đà đã tìm ra phương thức dung hòa mặc cảm chữ Tình ẩn sâu trong tiềm thức mình.

Trong lời tựa *Giấc mộng lớn*, chính thi sĩ của chúng ta cũng khẳng định: "... nghĩ như người ta sinh ra trong đời, không ai dễ có mấy thân cho nên mình yêu mình là cái tình chung của nhân loại. Một cái yêu mình đó, không cứ đẹp hay xấu, hay hay dở, mà yêu thời cứ yêu". Đến đây, Tản Đà dường như đã đưa ra một quan niệm rất mới về cái tôi: "*mình yêu mình*". Phải chăng, ở đây, Tản Đà muốn đặt ra một vấn đề khá mới mẻ trong văn học thời đó: *Narcissism* (Nhân cách yêu mình thái quá, rối loạn nhân cách ái kỉ hoặc chủ nghĩa vị kỉ thái quá).

Thực tế sáng tác của Tản Đà phần nào chứng minh cho khía cạnh trên. Ngay từ tiêu thuyết đầu tay, Tản Đà đã lấy tên mình đặt tên cho nhân vật chính. Đến *Giấc mộng lớn* và *Giấc mộng con* dù viết về những kỉ niệm thơ ấu, thú vui ẩm thực hay những cuộc phiêu lưu trong ảo mộng... thì cái tôi ưu ái bản thân ấy vẫn hiện lên vô cùng rõ nét. Đặc biệt hơn cả là nhân vật Chu Kiều Oanh. Tình cảm của Chu Kiều Oanh dành cho Nguyễn Khắc Hiếu là một trong những cách thức để Tản Đà bộc lộ niềm say mê vô tận đối với chính bản thân mình.

Có thể nói, chính sự tôn sùng và ca ngợi cái tôi cá nhân đã khiến cho tác phẩm của Tản Đà có sức hút kì lạ, dù không phải lúc nào nó cũng được nhìn nhận theo hướng tích cực. Chẳng hạn, trên báo Nam phong, Phạm Quỳnh cũng từng chỉ trích phương thức sáng tạo có phần "lạ đời" ấy: "*người ta phi cuồng thì không ai trần trướng đi ngoài phố. Nhà làm sách cũng vậy, không ai lại đem thân thể mình mà làm truyện cho người đời xem, nhất là tự mình tán tụng cho mình thì lại càng khó nghe lắm nữa*".

2.2. Không gian những miền đất lạ trong thơ văn Tản Đà

Ngay từ khi bắt đầu sáng tác văn chương, Tản Đà đã lập ngôn về thú ăn chơi, sở thích thích xê dịch, tham thú của mình:

*"Chơi cho biết mặt sơn hà
Cho sơn hà biết ai là mặt chơi!"*
(Chơi Huế)

Hay trong bài *Thú ăn chơi*, cũng là một lập ngôn hùng hồn của một cái tôi sinh ra để phụng sự cho thú du ngoạn, lãng tử giang hồ:

*"Giời sinh ra bác Tản Đà
Quê hương thời có, cửa nhà thời không
Nửa đời Nam, Bắc, Tây, Đông
Bạn bè sum họp, vợ chồng biệt ly
Túi thơ đeo khắp ba kì
Lạ chi rừng biển, thiếu gì gió giăng
Thú ăn chơi cũng gọi rằng
Mà xem chưa dễ ai bằng thế gian (...)
Trăm năm hai chữ Tản Đà
Còn sông, còn núi, còn là ăn chơi
Dở hay muôn sự ở đời
Mây bay nước chảy mặc người thế gian"*
(Thú ăn chơi)

Tản Đà là một kẻ "*tài cao phận thấp, chí khí uất*", nên tìm cách lánh đời bằng cách "*giang hồ mê chơi quên quê hương*". Ông coi cuộc đời như là nơi ở tạm, là cõi tục. Nhưng nếu xem xét kỹ, như nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra, Tản Đà thoát ly nhưng không thoát tục, chủ trương trốn tránh đời nhưng lại nặng lòng với đời. Đó chính là sự mâu thuẫn trong nhận thức. Bởi lẽ, trước sau gì Tản Đà cũng là một nhà Nho, mà trách nhiệm với đời lại là tiêu chí quan trọng trong tư tưởng nhập thế của Nho gia. Và như nhiều nhà Nho có trách nhiệm với thời cuộc khác mà chúng ta bắt gặp trong thơ ca trung đại (chẳng hạn Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn

Khuyến,...), sự thoát li ấy nhằm tách ra khỏi sự bần nhơ của kiếp sống nhân sinh, để giữ gìn tiết tháo, khí chất của đấng trượng phu trong trời đất:

*“Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc
Thanh cao phô trắng một nhành mai
Bạc tiền gió thoảng thơ đầy túi
Danh lợi bèo trôi, rượu nặng vai”*

(Tự vịnh)

Lập ngôn gắn liền với thực hành. Thơ văn Tản Đà do vậy cũng ghi lại những bức tranh tươi đẹp của quê hương, đất nước – những nơi mà ông từng đi qua trong hành trình lãng du, phiêu bạt của mình. Trong thơ Tản Đà mảng này không nhiều nhưng cũng không kém phần đặc sắc qua các bài: *Chơi Huế, Qua cầu Hàm Rồng hứng bút, Thú ăn chơi, ...*

Trong bài thơ *Chơi Huế*, trong hành trình du lãm từ Bắc vào Nam cảnh sắc các vùng đất Quảng Bình, Quảng Nam, Huế - vùng đất cổ đô... hiện lên thật thi vị, cuốn hút:

*“... Kinh thành gái lịch giai thanh
Cảnh thêm Hương thủy, Ngự Bình điểm tô
Con người xứ Bắc mới vô
Mừng nay được thấy để đô một lần
Hoàng thành cung điện liên vân
Dinh quan Khâm sứ đóng gần một nơi
Quan dân ở cả thành ngoài
Quanh thành tám cửa sông dài bọc quanh
Lại bao phố xá ngoài thành
Trên cầu xe ngựa, ghe mảnh dưới sông
Đông Ba, Gia Hội càng đông
Nhịp cầu nhẹ bước xa trông càng tình
Giòng sông trắng, lá cây xanh
Xuân giang xuân thụ cho mình nhớ ai!
Ngày xuân có lúc đi chơi
Lãng chù qua biết các nơi quanh gần
Để kinh đã gọi mưa nhuần
Tiện theo đường sắt vô dân xứ trong
Một đi thêm một lạ lòng
Xe chui hầm tối, bể trùng sóng cao
Dưới đường sóng bể nhảy reo
Như mình bạn mới, như chào khách xa
Hải Vân đèo nhón vừa qua
Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè
Tiết giờ như đã sang hè
Mà theo phận đất thời về Quảng Nam
Càng đi rộng, càng biết thêm
Tu-ran cảnh đẹp càng xem càng mừng
Nước xuân sóng lục vô chừng
“Lục ba xuân thủy” ai từng học chưa?
Vào nhà Tích cổ xem qua*

*Chiêm Thành này tượng ngày xưa hãy còn!
Biết bao vật nhón hình con
Trạm rồng cột đá chưa mòn nét dao”
(Chơi Huế)*

Cầu Hàm Rồng cũng là địa điểm nổi tiếng đi vào thơ Tản Đà với cách miêu tả đậm chất ca dao trữ tình:

*“Hôm xưa chơi ở Dương Quỳ
Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh
Hàm Rồng nay lại qua Thanh
Dưới cầu nước biếc in hình thi nhân
Người đâu sương tuyết phong trần
Non xanh nước biếc bao lần vãng lai...”
(Qua cầu Hàm Rồng hứng bút)*

Bài *Thú ăn chơi* cũng là một phác họa ngắn gọn nhưng súc tích về vẻ đẹp ẩm thực của từng vùng miền mà Tản Đà từng kinh lịch:

*“Hà tươi cửa biển Tu Ran
Long Xuyên chén mắm, Nghệ An chén cà
Sài Gòn nhớ vị cá tra
Cái xe song mã, chén trà Nhất Thiên
Đa tình con mắt Phú Yên
Hữu tình rau bí ông quyền Thuận An
Cơm ngâm Chợ Lớn chưa tàn
Tiệc xoè lại có Văn Bàn, Vũ Lao
Chấn Phòng đất khách cơm tàu
Con ca xứ Huế, cô đầu tỉnh Thanh.
Mán Sừng cái bánh chưng xanh
Hoa Kỳ tiệc bánh Tin lành nhớ ai
Sơn dương, sò huyết Hòn Gai
Đồng Sành cá đối, Giáp Lai lợn rừng
Vân quan, Hoàn linh xe từng
Con tàu ca nốt trông chừng Mê Kông
Tuồng Bình Định, rạp Phú Phong
Ở Nam nước mắm, tỉnh Đông chè tàu”*

Trong mớ hỗn độn những trải nghiệm từ Bắc chí Nam, việc nhận ra đặc trưng nổi bật nhất trong ẩm thực từng vùng miền đã khó, đưa vào thơ ca lại càng khó hơn, (mà lại là thơ lục bát). Xưa nay, chỉ có ca dao địa phương của từng vùng miền là làm tốt công việc này. Ấy vậy mà, trong thơ Tản Đà, chúng ta thấy được mỗi món ăn, thức uống dù bình dân hay sang trọng, đều hiện lên thật sinh động. Điều này cho thấy Tản Đà không chỉ sành đi, mà còn sành “nếm”, thẩm định phong vị rất riêng của từng vùng miền. Ông không chỉ là một thi sĩ mà còn là một nghệ sĩ thực thụ theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này.

Sự xê dịch trong thơ Tản Đà không đồng nghĩa với việc thỏa mãn những thú vui phàm tục, thậm chí sa đọa mà thời đại sản sinh. Ở Tản Đà, có gì đó rất thanh cao, chuẩn mực, mang đậm phong cách của một nhà nho – tài tử hơn là những con người chịu ảnh hưởng thực sự của chủ nghĩa xê dịch từ phương Tây. Do vậy, những cảnh sắc và phong vị những nơi ông từng đi qua

như: Hòa Bình, Huế, Hàm Rồng,... vẫn thiên về dương tính – tức là tính chất trong sáng, thường lành, trải nghiệm một cách từ tốn chứ không bị ám ảnh, cuồng quýt bởi bất cứ tác động nào cả.

Đã là một nhà Nho tài tử thì thú vui ngao du và thơ rượu là những điều không thể thiếu trong sự hiện hữu ở đời:

*“Trời đất sinh ra rượu với thơ
Không thơ, không rượu sống như thừa”*

Hay:

*“Mạch nước sông Đà tim rách rách
Nghìn năm non Tản mắt lơ mơ”*

Cũng giống như Lí Bạch thuở trước, Tản Đà tự xem mình là một trích tiên – tức là một ông tiên bị đày đọa xuống cõi trần. Cái tài và tình hơn người của ông nhiều lúc khiến người ta ganh tị, mai mỉa. Nhưng điều cốt lõi ở đây là thi nhân vẫn luôn hướng đến một nhân cách cao đẹp, giữ gìn đạo đức vốn có của mình trong cơn xoay vần của tạo hóa:

*“Trung hiếu vẹn toàn hai khối ngọc
Thanh cao phôi trắng một nhành mai”*

Tuy nhiên, cái trần tục nhiều lúc có sức mạnh nhất định trong việc làm tàn úa những ước muốn dù là thanh cao nhất. Đó cũng chính là lúc Tản Đà nhận ra sự lạc lõng, héo hon của mình giữa cuộc đời rộng lớn:

*“Bụi nhờn mặt trắng, da đen sạm
Tuyết nhuộm đầu xanh, tóc bạc phơ”
(Thơ thần)*

Tóm lại, trong thơ văn Tản Đà, có hai dạng thức không gian nghệ thuật cơ bản, gắn liền với cảm hứng xê dịch. Đó là không gian mộng tưởng và không gian trần tục. Ở dạng không gian thứ nhất, cõi tiên được nhìn qua lăng kính ái ân, lăng kính của tình yêu nên chất mộng hòa quyện vào chất thơ để làm nên một thế giới huyền ảo, lí tưởng. Như vậy, không gian tiên cảnh là biểu hiện của sự xê dịch qua chữ mộng và chữ tình, được hun đúc bởi khuynh hướng lãng mạn. Cách xây dựng không gian này bắt nguồn từ mạch nguồn văn hóa truyền thống của người phương Đông, luôn tin tưởng có một thế giới tiên cảnh, thoát tục song song tồn tại cùng thế giới trần tục. Do vậy, thế giới tiên cảnh trong thơ văn Tản Đà là sự nối tiếp thơ ca truyền thống, truyện dân gian trong kho tàng văn học. Cái mới ở đây là phong cách tự truyện, lấy cuộc đời mình làm đề tài cho văn chương nghệ thuật. Và do đó, trong một chừng mực nào đó, Tản Đà là nhà văn tiên phong cho thể loại tự truyện dù còn ở giai đoạn sơ khai trong buổi giao thời Đông – Tây.

Dạng không gian thứ hai gắn liền với khuynh hướng hiện thực, đi và sáng tác. Nhìn chung, những bài thơ viết về các địa danh nổi tiếng đất nước dù miêu tả thiên nhiên hay sản vật, văn hóa ẩm thực... thì cũng mang đậm phong cách Tản Đà, khó có thể lẫn vào một ai khác. Đó là phong cách đậm chất dân gian trong thể thơ, cách thức triển khai cấu tứ, hình tượng... Người thưởng lãm cảnh sắc thiên nhiên và ẩm thực các vùng miền ấy không chỉ là một thi sĩ tài hoa mà còn là một nhà nghệ sĩ, nhà văn hóa có cá tính riêng độc đáo.

3. Kết luận

Tản Đà là con người của cảm hứng xê dịch. Ông sử dụng sức mạnh của trí tưởng tượng để xây dựng nên những dạng thức không gian độc đáo. Nhờ vào sự tưởng tượng, ông đã sáng tạo riêng cho mình một thế giới đầy huyền ảo, đậm chất thơ và mộng trong thế giới cõi tiên cùng với các giai nhân, mỹ nữ. Thế giới ấy hoàn toàn thoát tục và là nơi thăng hoa, bắt tử của ái tình. Tản Đà đã tiếp nối văn học dân gian (có tính chất tiên thoại, rất phổ biến ở Việt Nam và Trung Quốc thời trung đại), những câu chuyện gắn liền với không gian cõi tiên mà tác giả sáng tạo ra vừa mang tính chất truyền thống, vừa phản ánh những cung bậc tình cảm đa dạng của con người hiện đại.

Cảnh sắc quê hương đất nước hiện lên trong từng trang văn, trang thơ của Tản Đà cũng vô cùng chân thực, vừa mang tính cụ thể, vừa mang tính khái quát sâu sắc. Với Tản Đà, sự dịch chuyển trong không gian thực tại đem lại cho ông những khám phá thú vị đối với từng địa danh. Đó không chỉ là vẻ đẹp bề ngoài của cảnh vật mà còn là vẻ đẹp ẩn sâu bên trong, chìm khuất trong chiều kích văn hóa, lịch sử của đối tượng.

Tất cả những biểu hiện trên cho thấy Tản Đà thực sự là một trong những nghệ sĩ lớn, những người mở đường và phát triển cảm hứng (hay chủ nghĩa) xê dịch trong thời kì mở đầu của văn học hiện đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] DQ Hàm, (2003). *Việt Nam Văn học sử yếu*. NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
- [2] NP Hà, (2016). “Hình ảnh con đường trong thơ Tản Đà. *Kỉ yếu Hội nghị khoa học trẻ*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, lần thứ IX. <http://hpu2.edu.vn/vi/khoa-ngu-van/nghien-cuu-khoa-hoc/hinh-anh-con-duong-trong-tho-tan-da-82.html>.
- [3] B Giáng, 2001. *Giảng luận Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] TB Đĩnh & ND Mậu (Tuyển chọn và giới thiệu), 2007. *Tản Đà – Về tác gia và tác phẩm*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] PC Đệ, TĐ Hựu, N Trác, NH Khung, LC Dũng & HV Đức, 1997. *Giáo trình Văn học Việt Nam (1900 – 1945)*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] LB Hán (chủ biên), LQ Hưng & CV Sơn, 1998. *Tinh hoa Thơ mới – Thẩm bình và suy ngẫm*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] TĐ Hựu, 1995. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [8] PX Thạch, 2004. “Quá trình cách tân và những giới hạn trong sự nghiệp sáng tác văn xuôi của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, 9, 97-106.
- [9] NK Xương, 1995. *Tản Đà: Thơ và đời*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [10] NK Xương (Tuyển chọn và giới thiệu), 1995. *Tản Đà trong lòng thời đại: Hồi ức – Bình luận – Tư liệu*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.